

Bản án số: 599/2024/HC-PT

Ngày 30/10/2024

V/v khiếu kiện quyết định hành chính và  
hành vi hành chính trong lĩnh vực quản  
lý đất đai.

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Trọng Đoàn;

*Các Thẩm phán:*

Ông Phùng Hải Hiệp

Ông Nguyễn Nam Thành

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Phạm Thị Nhạn, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội:** Bà Hoàng Thị Hải - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 10 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 290/2024/TLPT-HC ngày 12 tháng 7 năm 2024 về việc “khiếu kiện quyết định hành chính và hành vi hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai”.

Do Bản bản án hành chính sơ thẩm số: 37/2024/HC-ST ngày 15 tháng 5 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố H bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 11269/2024/QĐ-PT ngày 15 tháng 10 năm 2024 giữa các đương sự:

1. *Người khởi kiện:* Bà Bùi Thị T, sinh năm 1980; nơi cư trú: Thôn 4, xã N, huyện T<sub>1</sub>, thành phố H. Có mặt.

*Người đại diện hợp pháp của người khởi kiện:* Ông Đỗ Đức K - Luật sư Chi nhánh Công ty Luật TNHH Quốc tế D tại H; địa chỉ: Số 2, ngõ 69, tổ dân phố số 1, thị trấn A, huyện A<sub>1</sub>, thành phố H; là người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện (Hợp đồng ủy quyền ngày 10 tháng 11 năm 2023 và Quyết định về việc cử luật sư tham gia tố tụng ngày 10 tháng 11 năm 2023). Có mặt.

2. *Người bị kiện:* Ủy ban nhân dân huyện T<sub>1</sub>, thành phố H; địa chỉ: Số 5 Đ, thị trấn N<sub>1</sub>, huyện T<sub>1</sub>, thành phố H.

*Người đại diện hợp pháp của người bị kiện:* Ông Đinh Chính Q - Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện T<sub>1</sub>, thành phố H, là người đại diện theo ủy quyền của người

bị kiện (Văn bản ủy quyền ngày 10 tháng 01 năm 2024). Vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

## **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Tại đơn khởi kiện đề ngày 14 tháng 11 năm 2023, đơn khởi kiện bổ sung đề ngày 14 tháng 12 năm 2023 và trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, người khởi kiện và người đại diện hợp pháp của người khởi kiện thống nhất trình bày:*

Năm 1998, bố đẻ của bà Bùi Thị T là ông Bùi Khắc M nhận chuyển nhượng của bà Trần Thị N<sub>2</sub> thửa đất số 15, tờ bản đồ số 08, địa chỉ tại thôn 1, xã N, huyện T<sub>1</sub>, thành phố H với diện tích khoảng 80m<sup>2</sup> để bán hàng và sinh sống. Sau đó, ông M đã tặng cho mảnh đất trên cho bà T và em gái là Bùi Thị H<sub>1</sub> mỗi người khoảng 40m<sup>2</sup>. Năm 2022, Ủy ban nhân dân huyện T<sub>1</sub> thực hiện việc thu hồi đất để thực hiện Dự án đầu tư cải tạo đường tỉnh 359 (trong đó có đoạn qua địa phận xã N). Theo đó thửa đất của gia đình bà T bị thu hồi 37,4m<sup>2</sup>, bao gồm cả phần đất mà bà T và bà H<sub>1</sub> đang sử dụng; hiện tại diện tích còn lại mà bà T được sử dụng là khoảng hơn 20m<sup>2</sup>. Việc Ủy ban nhân dân huyện T<sub>1</sub> ban hành quyết định thu hồi đất, quyết định cưỡng chế thu hồi đất và phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ nhưng chỉ ghi tên bà Bùi Thị H<sub>1</sub> là không đúng quy định của pháp luật vì trong diện tích đất bị thu hồi có một phần thuộc quyền sử dụng của bà T.

Do đó, ngay sau khi nhận được quyết định cưỡng chế thu hồi đất của Ủy ban nhân dân huyện T<sub>1</sub>, bà T đã có đơn gửi Ủy ban nhân dân xã N và Ủy ban nhân dân huyện T<sub>1</sub> đề nghị cấp đất tái định cư. Theo thông báo về việc bốc thăm cấp đất tái định cư lần hai do Ủy ban nhân dân xã N ban hành thì bà T có tên trong danh sách các hộ dân được bốc thăm. Tuy nhiên, ngày 22 tháng 12 năm 2022, bà T được cán bộ địa chính xã N giao Thông báo số 577/TB-UBND ngày 25 tháng 9 năm 2022 của Ủy ban nhân dân huyện T<sub>1</sub>, trong đó có nội dung bà Bùi Thị T không được giao đất tái định cư. Việc ban hành thông báo nêu trên của Ủy ban nhân dân huyện T<sub>1</sub> đã làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của bà Bùi Thị T. Vì vậy, bà T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Hủy một phần Thông báo số 577/TB-UBND ngày 15 tháng 9 năm 2022 của Ủy ban nhân dân huyện T<sub>1</sub>, thành phố H về kết quả xét duyệt giao đất ở vào khu tái định cư của Dự án đầu tư cải tạo đường tỉnh 359 đoạn từ xã T<sub>3</sub> đến đường trục giao thông khu đô thị và công nghiệp B, qua địa phận xã N đối với bà Bùi Thị T.

- Yêu cầu Ủy ban nhân dân huyện T<sub>1</sub>, thành phố H giao cho bà Bùi Thị T 01 lô đất tái định cư là đất ở có thu tiền sử dụng đất.

*Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện có ý kiến trình bày:*

Theo sổ mục kê năm 1985 và bản đồ giải thửa 299, thửa đất bị thu hồi của hộ bà H<sub>1</sub> có nguồn gốc là một phần của thửa đất số 622, tờ bản đồ số 04, địa chỉ tại thôn 1, xã N, huyện T<sub>1</sub>, thành phố H; thửa đất trên có tổng diện tích là 2.760m<sup>2</sup>; chủ sử dụng ruộng đất ghi “nhà đạm”, loại ruộng đất là “kiến thiết” - là đất xây

dựng cơ bản do Ủy ban nhân dân xã N quản lý. Năm 2021, khi Ủy ban nhân dân huyện T<sub>1</sub> tiến hành thu hồi đất đã xác định người đang trực tiếp sử dụng đất là hộ bà Bùi Thị H<sub>1</sub>. Do diện tích đất mà hộ bà H<sub>1</sub> sử dụng là đất hành lang giao thông, không được Nhà nước công nhận quyền sử dụng đất. Vì vậy, khi lập phương án bồi thường, hỗ trợ, hộ bà H<sub>1</sub> không được bồi thường, hỗ trợ về đất, chỉ được hỗ trợ vật kiến trúc trên đất theo Công văn số 601/UBND-TH ngày 29 tháng 4 năm 2016 của Ủy ban nhân dân thành phố H.

Theo Báo cáo kết quả rà soát, đề xuất giao đất ở vào khu tái định cư đối với các hộ gia đình để thực hiện Dự án đầu tư cải tạo đường tỉnh 359 thì trên thửa đất bị thu hồi có năm nhân khẩu đăng ký thường trú và ăn ở trên đất gồm ông Trần Minh L (là chủ hộ), bà Bùi Thị H<sub>1</sub> (là vợ) và các con là Trần Minh C, Trần Minh A<sub>2</sub> và Trần Duy Q<sub>1</sub>. Qua xác minh, ngoài thửa đất bị thu hồi, hộ bà H<sub>1</sub> không còn nhà ở, đất ở nào khác trên địa bàn xã N; vì vậy, căn cứ vào khoản 2 Điều 79 của Luật Đất đai, Hội đồng bồi thường, hỗ trợ và tái định cư của Dự án đã xét duyệt giao một lô đất ở có thu tiền sử dụng đất cho hộ bà H<sub>1</sub>. Đối với trường hợp của hộ bà Bùi Thị T, bà T cùng chồng và các con đăng ký thường trú tại thôn 4, xã N, huyện T<sub>1</sub>, thành phố H; không ăn ở tại thửa đất bị thu hồi. Vì vậy, Hội đồng bồi thường, hỗ trợ và tái định cư của Dự án không có cơ sở để giao cho bà T một lô đất có thu tiền sử dụng đất.

Từ những căn cứ trên, đề nghị Hội đồng xét xử bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Bùi Thị T.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số: 37/2024/HC-ST ngày 15 tháng 5 năm 2024 về việc khiếu kiện quyết định hành chính và hành vi hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai của Tòa án nhân dân thành phố H, đã quyết định;

Căn cứ vào các điều 30, 32, 116, 157, 162, 163, 187, 193, 194, 206 và 348 của Luật Tố tụng hành chính;

Các điều 62, 66, 75, 79, 100 và 101 của Luật Đất đai năm 2013; Điều 18 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất; Điều 6 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;

*Xử:* Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Bùi Thị T về các nội dung sau:

- Hủy một phần Thông báo số 577/TB-UBND ngày 15 tháng 9 năm 2022 của Ủy ban nhân dân huyện T<sub>1</sub>, thành phố H về kết quả xét duyệt giao đất ở vào khu tái định cư của Dự án đầu tư cải tạo đường tỉnh 359 đoạn từ xã T<sub>3</sub> đến đường trục giao thông khu đô thị và công nghiệp B, qua địa phận xã N đối với bà Bùi Thị T.

- Yêu cầu Ủy ban nhân dân huyện T<sub>1</sub>, thành phố H giao cho bà Bùi Thị T một lô đất tái định cư là đất ở có thu tiền sử dụng đất.

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 29/5/2024 người khởi kiện bà Bùi Thị T kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp

phúc thẩm huỷ toàn bộ bản án sơ thẩm của Toà án nhân dân thành phố H và yêu cầu UBND huyện T<sub>1</sub>, thành phố H căn cứ theo quy định của pháp luật và tình hình thực tế của bà và gia đình hỗ trợ, tạo điều kiện để bà và gia đình được nhận 01 (một) lô đất tái định cư có thu tiền sử dụng đất.

Tại phiên toà phúc thẩm: Người kháng cáo giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và đề nghị HĐXX phúc thẩm huỷ toàn bộ bản án sơ thẩm giao hồ sơ vụ án cho Toà án cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án vì Toà án cấp sơ thẩm có vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng và đánh giá chứng cứ trong vụ án không toàn diện.

Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên toà:

- Về thủ tục tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của Luật Tố tụng hành chính. Đối với những người tham gia tố tụng: Các đương sự có mặt từ khi thụ lý đến thời điểm hiện nay đều đã chấp hành đúng các quy định của Luật Tố tụng hành chính.

Đơn kháng cáo của người kháng cáo làm trong hạn luật định và đã nộp tiền tạm ứng án phí hành chính phúc thẩm nên được xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật tố tụng hành chính, đề nghị không chấp nhận kháng cáo của bà Bùi Thị T; giữ nguyên bản án sơ thẩm của Toà án nhân dân thành phố H.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được kiểm tra, xem xét tại phiên toà; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà và ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử (viết tắt HĐXX) nhận thấy:

[1] Về tố tụng: Đơn kháng cáo của người kháng cáo làm trong hạn luật định và đã nộp tiền tạm ứng án phí hành chính phúc thẩm nên được xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

Tại phiên toà phúc thẩm vắng mặt người bị kiện không có kháng cáo đã được Toà án đã triệu tập hợp lệ lần thứ hai và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ ý kiến của các đương sự có mặt và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội, Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử theo quy định tại khoản 2 Điều 225 Luật Tố tụng hành chính.

[2] Xét đơn kháng cáo của người kháng cáo về việc: yêu cầu Toà án cấp phúc thẩm huỷ toàn bộ bản án sơ thẩm của Toà án nhân dân thành phố H, vì cho rằng Toà án cấp sơ thẩm có vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng và đánh giá chứng cứ không khách quan, toàn diện.

Về đối tượng khởi kiện, quyền khởi kiện, thẩm quyền giải quyết và thời hiệu khởi kiện Toà án nhân dân thành phố H đã xác định đối tượng khởi kiện, thời hiệu khởi kiện đúng theo quy định tại các khoản 1 Điều 30 và khoản 4 Điều 32; khoản 1 Điều 115, điểm a khoản 2 Điều 116 Luật tố tụng hành chính.

[3] Về thẩm quyền, trình tự thủ tục ban hành các quyết định hành chính bị kiện:

Thực hiện Dự án đầu tư cải tạo tỉnh lộ 359 đoạn từ xã T<sub>3</sub> đến trục đường giao thông Khu đô thị và công nghiệp B huyện T<sub>1</sub>, thành phố H (đoạn qua địa phận xã T<sub>3</sub> và xã N)

Căn cứ vào: khoản 4 Điều 11 Luật đất đai năm 2013. khoản 2 Điều 3; khoản 1, khoản 3 Điều 22; điểm a khoản 2 Điều 70 của Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ về quy định chi tiết thi hành Luật đất đai. Khoản 1 Điều 6 của Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ về quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất.

Để ban hành Thông báo số 577/TB-UBND ngày 15 tháng 9 năm 2022 của Ủy ban nhân dân huyện T<sub>1</sub>, thành phố H về kết quả xét duyệt giao đất ở vào khu tái định cư của Dự án đầu tư cải tạo đường tỉnh 359 đoạn từ xã T<sub>3</sub> đến trục đường giao thông khu đô thị và công nghiệp B, qua địa phận xã N đối với bà Bùi Thị T là đảm bảo đúng về trình tự thủ tục, thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

Xét về nguồn gốc diện tích đất bị thu hồi: Theo Sổ mục kê năm 1985 và bản đồ giải thửa số 299 hiện đang lưu giữ tại Ủy ban nhân dân xã N, diện tích đất mà hộ bà Bùi Thị H<sub>1</sub> bị thu hồi là một phần của thửa số 622, tờ bản đồ số 04, thôn 1, xã N, huyện T<sub>1</sub>, thành phố H ghi tên chủ sử dụng là “Nhà đạm”; thửa đất có tổng diện tích là 2.760m<sup>2</sup>; loại đất “kiến thiết” - là đất công do Ủy ban nhân dân xã N quản lý. Quá trình giải quyết vụ án, tuy bà T cho rằng thửa đất này do bố đẻ của bà là ông Bùi Khắc M nhận chuyển nhượng của bà Trần Thị N<sub>2</sub> nhưng không xuất trình được tài liệu, chứng cứ chứng minh ông M hoặc bà N<sub>2</sub> là chủ sử dụng hợp pháp của thửa đất này.

Ngày 26 tháng 5 năm 2020, Ủy ban nhân dân thành phố H ban hành Quyết định số 1312/QĐ-UBND về việc phê duyệt bổ sung (lần 1) kế hoạch sử dụng đất năm 2020 huyện T<sub>1</sub>. Để triển khai thực hiện quyết định trên của Ủy ban nhân dân thành phố H, Ủy ban nhân dân huyện T<sub>1</sub> đã ban hành Quyết định số 2488/QĐ-UBND ngày 14 tháng 5 năm 2021 với nội dung thu hồi diện tích 3.848,1m<sup>2</sup> đất của 112 hộ gia đình, cá nhân có nguồn gốc là đất công do Ủy ban nhân dân xã N quản lý để thực hiện Dự án đầu tư cải tạo đường tỉnh 359 (trong đó hộ bà Bùi Thị S (Bùi Thị H) bị thu hồi 37,4m<sup>2</sup>. Diện tích đất bị thu hồi có vị trí tại thửa số 15, tờ bản đồ số 08, thôn 1, xã N, huyện T<sub>1</sub>, thành phố H (theo Bản trích đo địa chính số 03, tỷ lệ 1/500 do Trung tâm Kỹ thuật - Dữ liệu, Thông tin tài nguyên và môi trường lập, được Sở Tài nguyên và Môi trường thẩm định ngày 23 tháng 12 năm 2020). Việc thu hồi đất với mục đích cải tạo đường tỉnh 359 là phù hợp với quy định tại khoản 3 Điều 62 của Luật Đất đai năm 2013.

Do xác định diện tích đất mà hộ bà H<sub>1</sub> đang sử dụng là đất công thuộc phạm vi bảo vệ đường giao thông. Vì vậy, khi lập phương án bồi thường, hỗ trợ, Ủy ban nhân dân huyện T<sub>1</sub> không bồi thường, hỗ trợ về đất; chỉ bồi thường, hỗ trợ vật kiến trúc trên đất theo Công văn số 601/UBND-TH ngày 29 tháng 4 năm 2016 của Ủy ban nhân dân thành phố H với tổng số tiền là 108.684.201 đồng. Bà Bùi Thị H<sub>1</sub> đã nhận đủ số tiền trên và không có thắc mắc, khiếu nại gì về số tiền bồi thường, hỗ trợ; đồng

thời đã tự nguyện bàn giao đất để thực hiện Dự án.

Sau khi ban hành quyết định thu hồi đất và quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, do phát hiện có sai sót về tên chủ sử dụng đất. Vì vậy, ngày 05 tháng 8 năm 2022, Ủy ban nhân dân huyện T<sub>1</sub> ban hành Quyết định số 12791/QĐ-UBND về việc đính chính tên tại danh sách kèm theo quyết định thu hồi đất và quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ với nội dung: Đính chính tên “*Bùi Thị S (Bùi Thị H)*” tại danh sách ban hành kèm theo Quyết định số 2488/QĐ-UBND ngày 14 tháng 5 năm 2021 và tại danh sách ban hành kèm theo Quyết định số 2489/QĐ-UBND ngày 14 tháng 5 năm 2021 của Ủy ban nhân dân huyện T<sub>1</sub> thành “*Bùi Thị H*”. Việc đính chính tên chủ sử dụng đất không làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của người sử dụng đất có đất bị thu hồi.

- Căn cứ Khoản 1 Điều 79 của Luật Đất đai năm 2013: Khi Nhà nước thu hồi đất ở, điều kiện để hộ gia đình, cá nhân được bồi thường về đất là phải có đủ điều kiện được bồi thường theo quy định tại Điều 75 của Luật Đất đai năm 2013 và không còn đất ở, nhà ở nào khác trong địa bàn xã, phường, thị trấn nơi có đất thu hồi.

Đối với trường hợp của bà Bùi Thị T, hồ sơ vụ án thể hiện bà T không có một trong các loại giấy tờ quy định tại Điều 100, Điều 101 của Luật Đất đai năm 2013 và hướng dẫn tại Điều 18 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ để chứng minh mình là chủ sử dụng hợp pháp của thửa đất bị thu hồi và có đủ điều kiện được bồi thường về đất.

Căn cứ Khoản 2 Điều 79 của Luật Đất đai năm 2013: Theo thông tin do Công an xã N cung cấp, bà T đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn 4, xã N, huyện T<sub>1</sub>, thành phố H; trước thời điểm Ủy ban nhân dân huyện T<sub>1</sub> ban hành thông báo thu hồi đất vào tháng 10 năm 2020, không có thông tin bà Bùi Thị T ăn ở, sinh hoạt ở hộ nào khác. Theo Báo cáo số 76/BC-TNMT ngày 17 tháng 8 năm 2022 của Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện T<sub>1</sub> về việc rà soát, đề xuất giao đất ở vào khu tái định cư đối với các hộ gia đình, cá nhân có đất bị thu hồi thực hiện Dự án đầu tư cải tạo đường tỉnh 359 thì tại thời điểm thu hồi đất, trên đất có năm nhân khẩu ăn ở gồm ông Trần Minh L (là chủ hộ), bà Bùi Thị H<sub>1</sub> (là vợ ông L) và các con là Trần Minh C, Trần Minh A<sub>2</sub> và Trần Duy Q<sub>1</sub>.

Toà án cấp sơ thẩm đã bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Bùi Thị T là có căn cứ.

Tại phiên Toà phúc thẩm, người kháng cáo không cung cấp thêm tài liệu chứng cứ gì mới cho yêu cầu kháng cáo đồng thời trình bày: Việc bố đẻ bà là ông Bùi Khắc M có nhận chuyển nhượng diện tích đất nêu trên của bà Trần Thị N<sub>2</sub>, sau đó tặng cho quyền sử dụng đất cho bà khoảng 40m<sup>2</sup> nhưng không cung cấp tài liệu chứng cứ liên quan đến việc chuyển nhượng tặng cho quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật và cũng chưa thực hiện nghĩa vụ của người sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

Từ những phân tích trên, HĐXX không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của bà Bùi Thị T. Quan điểm của kiểm sát viên tham gia phiên toà về việc giải quyết vụ án

là có căn cứ chấp nhận.

[4] Về án phí hành chính phúc thẩm: Kháng cáo của bà Bùi Thị T không được chấp nhận nên bà T phải chịu án phí hành chính phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

[5] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật Tố tụng hành chính, Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí tòa án.

1. Bác kháng cáo của người khởi kiện là bà Bùi Thị T; giữ nguyên Bản án hành chính sơ thẩm số 37/2024/HC-ST ngày 15 tháng 5 năm 2024 về việc khiếu kiện quyết định hành chính và hành vi hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai của Tòa án nhân dân thành phố H.

2. Về án phí phúc thẩm: Bà Bùi Thị T phải chịu 300.000 đồng án phí hành chính phúc thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí hành chính phúc thẩm đã nộp tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000418 ngày 06/6/2024 của Cục Thi hành án dân sự thành phố H.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

**Nơi nhận:**

- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- TAND tp H;
- Cục THADS tp H;
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

**Nguyễn Trọng Đoàn**